



RSM DTL Auditing
Connected for Success

**CÔNG TY CỔ PHẦN
GẠCH NGÓI KIÊN GIANG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI KIÊN GIANG

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Giám đốc Công ty Cổ phần Gạch Ngói Kiên Giang (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012.

1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Gạch Ngói Kiên Giang là doanh nghiệp được cổ phần hoá từ Xi nghiệp gạch Tuynel Kiên Giang thuộc Công ty Đầu tư và Xây dựng Kiên Giang (nay là Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu tư Phát Triển Nhà Kiên Giang). Công ty được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 56-03-000133 ngày 01 tháng 04 năm 2008 do Sở kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Kiên Giang cấp; và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi với lần thay đổi gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1700572808 ngày 30 tháng 03 năm 2012.

Trụ sở và nhà máy được đặt tại Thị trấn Kiên Lương, Huyện Kiên Lương, Tỉnh Kiên Giang.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 30.016.990.000 đồng.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là: Khai thác cát, sỏi, đất sét, đất bùn; Sản xuất sản phẩm chịu lửa; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác; Bán buôn than đá, than bùn và nhiên liệu rắn khác; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi, đất bùn; Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi và vật liệu xây dựng khác trong cửa hàng chuyên doanh; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Cho thuê xe ô tô và xe có động cơ khác; Khai thác và thu gom than bùn.

2. Thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

| Họ tên | Chức danh |
|---------------------|------------|
| Ông Lư Văn Còn | Chủ tịch |
| Ông Lâm Duy Khánh | Thành viên |
| Ông Lê Quang Tuấn | Thành viên |
| Ông Nguyễn Văn Út | Thành viên |
| Ông Nguyễn Hữu Khai | Thành viên |

Danh sách các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

| Họ tên | Chức danh |
|--------------------|--------------|
| Ông Lâm Duy Khánh | Giám đốc |
| Ông Phạm Văn Hải | Phó Giám đốc |
| Ông Mạc Thanh Dũng | Phó Giám đốc |

3. Tình hình kinh doanh năm 2012

Các số liệu về tình hình kinh doanh năm 2012 được trình bày trên báo cáo tài chính đính kèm được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán DTL.

4. Cam kết của Giám đốc

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ hệ thống và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính, và không có bất kỳ một khoản đảm bảo nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc năm tài chính mà không được trình bày trong báo cáo tài chính và sổ sách, chứng từ kế toán của Công ty.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính của Công ty, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI KIÊN GIANG

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

5. Kiểm toán viên

Công ty kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty.

6. Ý kiến của Giám đốc

Theo ý kiến của Giám đốc Công ty, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên của Công ty phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

Kiên Lương, ngày 20 tháng 03 năm 2013

GIÁM ĐỐC



LÂM DUY KHÁNH

152 /
TY
40
TOÁ
C.]
ĐC



Số: 13.119 /BCKT-DTL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Các Cổ đông và Hội đồng quản trị
CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI KIÊN GIANG

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên được lập ngày 20 tháng 03 năm 2013 của Công ty Cổ phần Gạch Ngói Kiên Giang (dưới đây gọi tắt là Công ty) từ trang 04 đến trang 24 kèm theo. Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày các báo cáo tài chính này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra các ý kiến nhận xét về tính trung thực và hợp lý của các báo cáo này căn cứ kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo những Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và thực hiện cuộc kiểm toán để có sự đảm bảo hợp lý là các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán, các khoản ước tính kế toán quan trọng do Công ty thực hiện, cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho ý kiến nhận xét của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Gạch Ngói Kiên Giang vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2013

TUỢNG GIÁM ĐỐC
GIÁM ĐỐC NGHIỆP VỤ



ĐẶNG THỊ HỒNG LOAN
Chứng chỉ KTV số 0425/KTV

KIỂM TOÁN VIÊN

PHẠM THỊ BÍCH HẠNH
Chứng chỉ KTV số 1505/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI KIÊN GIANG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

| TÀI SẢN | Mã số | Th. minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|--------------|-----------------|-----------------------|-----------------------|
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 17.797.181.726 | 12.861.863.073 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | | 1.577.965.538 | 1.589.968.730 |
| 1. Tiền | 111 | 5.1 | 1.577.965.538 | 1.329.968.730 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | - | 260.000.000 |
| II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | - | - |
| 1. Đầu tư ngắn hạn | 121 | | - | - |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn | 129 | | - | - |
| III. Các khoản phải thu | 130 | 5.2 | 10.845.840.983 | 4.694.396.071 |
| 1. Phải thu khách hàng | 131 | | 5.030.370.967 | 3.846.792.430 |
| 2. Trả trước cho người bán | 132 | | 4.408.682.224 | 880.441.069 |
| 3. Phải thu nội bộ | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Các khoản phải thu khác | 135 | | 1.584.806.832 | 145.181.612 |
| 6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi | 139 | | (178.019.040) | (178.019.040) |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 4.656.717.711 | 5.351.587.388 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | 5.3 | 4.656.717.711 | 5.351.587.388 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 716.657.494 | 1.225.910.884 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | 477.080.755 | 289.144.521 |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | - | 770.404.677 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 154 | | - | - |
| 4. Tài sản ngắn hạn khác | 158 | | 239.576.739 | 166.361.686 |

(Phần tiếp theo trang 05)

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI KIÊN GIANG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

| TÀI SẢN | Mã số | Th. minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|--------------|-----------------|-----------------------|-----------------------|
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 46.592.712.586 | 42.050.601.779 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | - |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc | 212 | | - | - |
| 3. Phải thu dài hạn nội bộ | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu dài hạn khác | 218 | | - | - |
| 5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 43.588.243.632 | 39.943.288.622 |
| 1. TSCĐ hữu hình | 221 | 5.4 | 35.166.051.279 | 18.650.584.202 |
| + Nguyên giá | 222 | | 46.891.793.204 | 28.320.954.279 |
| + Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (11.725.741.925) | (9.670.370.077) |
| 2. TSCĐ thuê tài chính | 224 | | - | - |
| + Nguyên giá | 225 | | - | - |
| + Giá trị hao mòn lũy kế | 226 | | - | - |
| 3. TSCĐ vô hình | 227 | 5.5 | 5.077.755.966 | 5.157.874.028 |
| + Nguyên giá | 228 | | 6.435.557.600 | 6.281.557.600 |
| + Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (1.357.801.634) | (1.123.683.572) |
| 4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 230 | 5.6 | 3.344.436.387 | 16.134.830.392 |
| III. Bất động sản đầu tư | 240 | | - | - |
| + Nguyên giá | 241 | | - | - |
| + Giá trị hao mòn lũy kế | 242 | | - | - |
| IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | - | - |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| 2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh | 252 | | - | - |
| 3. Đầu tư dài hạn khác | 258 | | - | - |
| 4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn | 259 | | - | - |
| V. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 3.004.468.954 | 2.107.313.157 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 5.7 | 3.004.468.954 | 2.107.313.157 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |
| 3. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 64.389.894.312 | 54.912.464.852 |

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI KIÊN GIANG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

| NGUỒN VỐN | Mã số | Th. minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|----------|-----------------------|-----------------------|
| A. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 28.163.724.452 | 26.715.687.830 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 16.635.734.455 | 23.215.687.830 |
| 1. Vay và nợ ngắn hạn | 311 | 5.8 | 10.690.803.001 | 6.624.115.648 |
| 2. Phải trả người bán | 312 | 5.9 | 1.450.915.696 | 5.578.500.167 |
| 3. Người mua trả tiền trước | 313 | | 609.118.103 | 341.129.598 |
| 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 314 | 5.10 | 288.099.472 | 1.675.963 |
| 5. Phải trả người lao động | 315 | 5.11 | 731.127.899 | 508.177.712 |
| 6. Chi phí phải trả | 316 | | 54.572.503 | 94.603.546 |
| 7. Phải trả nội bộ | 317 | | - | - |
| 8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 318 | | - | - |
| 9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 319 | | 2.168.085.351 | 9.250.346.978 |
| 10. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 320 | | - | - |
| 11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 323 | | 643.012.430 | 817.138.218 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 11.527.989.997 | 3.500.000.000 |
| 1. Phải trả dài hạn người bán | 331 | | - | - |
| 2. Phải trả dài hạn nội bộ | 332 | | - | - |
| 3. Phải trả dài hạn khác | 333 | | - | - |
| 4. Vay và nợ dài hạn | 334 | 5.12 | 11.527.989.997 | 3.500.000.000 |
| 5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 335 | | - | - |
| 6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm | 336 | | - | - |
| 7. Dự phòng phải trả dài hạn | 337 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện | 338 | | - | - |
| 9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 339 | | - | - |
| B.VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 36.226.169.860 | 28.196.777.022 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | 5.13 | 36.226.169.860 | 28.196.777.022 |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | | 30.016.990.000 | 23.359.610.000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | - | - |
| 3. Vốn khác của chủ sở hữu | 413 | | - | - |
| 4. Cổ phiếu quỹ | 414 | | - | - |
| 5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 415 | | - | - |
| 6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 416 | | - | - |
| 7. Quỹ đầu tư phát triển | 417 | | - | - |
| 8. Quỹ dự phòng tài chính | 418 | | 1.298.677.319 | 1.081.379.611 |
| 9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 419 | | 8.025.380 | 29.980 |
| 10. Lợi nhuận chưa phân phối | 420 | | 4.902.477.161 | 3.755.757.431 |
| 11. Nguồn vốn đầu tư XDCB | 421 | | - | - |
| 12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 422 | | - | - |
| II. Nguồn kinh phí, quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 432 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ | 433 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 64.389.894.312 | 54.912.464.852 |

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI KIÊN GIANG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

| CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN | Th. minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|-----------------|--------------------|-------------------|
| 1. Tài sản thuê ngoài | | - | - |
| 2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công | | - | - |
| 3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi | | - | - |
| 4. Nợ khó đòi đã xử lý | | - | - |
| 5. Ngoại tệ các loại | | - | - |
| 6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án | | - | - |

KẾ TOÁN TRƯỞNG



PHẠM VĂN CƠ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2013



GIÁM ĐỐC

LÂM DUY KHÁNH

17.
 TY
 ĐUI
 HOÁ
 L
 CY

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI KIÊN GIANG
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

| CHỈ TIÊU | Mã số | Th. minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-------|----------|----------------------|--------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 6.1 | 35.112.458.017 | 31.069.799.449 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | 6.1 | 35.112.458.017 | 31.069.799.449 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | 6.2 | 23.355.840.186 | 19.158.713.372 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 11.756.617.831 | 11.911.086.077 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | | 332.812.476 | 88.832.636 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | | 1.648.627.441 | 942.095.720 |
| <i>trong đó, chi phí lãi vay</i> | 23 | | 1.648.627.441 | 925.552.720 |
| 8. Chi phí bán hàng | 24 | 6.3 | 2.798.646.238 | 2.556.539.206 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | 6.4 | 2.799.931.339 | 2.376.074.166 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 4.842.225.289 | 6.125.209.621 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | | 50.309.818 | 10.200.000 |
| 12. Chi phí khác | 32 | | 63.697.141 | 4.671.922 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | (13.387.323) | 5.528.078 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 4.828.837.966 | 6.130.737.699 |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 6.5 | 248.696.012 | - |
| 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 4.580.141.954 | 6.130.737.699 |
| 18. Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phần | 70 | 5.13.4 | 1.567 | 2.625 |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2013

KẾ TOÁN TRƯỞNG



PHẠM VĂN CƠ



GIÁM ĐỐC

LÂM DUY KHÁNH

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI KIÊN GIANG**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

| CHỈ TIÊU | Mã số | Th. minh | Năm nay | Năm trước |
|---|--------------|-----------------|------------------------|-------------------------|
| I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 4.828.837.966 | 6.130.737.699 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản | | | | |
| Khấu hao tài sản cố định | 02 | | 2.289.489.910 | 1.871.340.124 |
| Các khoản dự phòng | 03 | | - | (89.181.280) |
| Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện | 04 | | - | - |
| Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | | (372.812.476) | (88.832.636) |
| Chi phí lãi vay | 06 | | 1.648.627.441 | 925.552.720 |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động | 08 | | 8.394.142.841 | 8.749.616.627 |
| Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | (5.367.600.288) | (401.527.958) |
| Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | 694.869.677 | (2.915.905.471) |
| Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp) | 11 | | (5.112.478.759) | 7.816.628.795 |
| Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | (1.085.092.031) | 320.402.042 |
| Tiền lãi vay đã trả | 13 | | (1.614.811.441) | (925.552.720) |
| Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 14 | | (183.697.394) | - |
| Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 15 | | 7.100.000 | - |
| Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | (663.313.364) | (496.590.636) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh | 20 | | (4.930.880.759) | 12.147.070.679 |
| II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | | (4.538.582.530) | (14.187.235.883) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 22 | | - | - |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác | 23 | | - | - |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | - | - |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | - | - |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | - | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 286.157.476 | 88.832.636 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (4.252.425.054) | (14.098.403.247) |

(Phần tiếp theo ở trang 10)

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI KIÊN GIANG
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

| CHỈ TIÊU | Mã số | Th. minh | Năm nay | Năm trước |
|--|--------------|-----------------|----------------------|----------------------|
| III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | - | - |
| 2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | - |
| 3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | 33 | | 29.406.200.458 | 17.689.864.030 |
| 4. Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | | (17.311.523.108) | (9.867.131.780) |
| 5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính | 35 | | - | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | (2.923.374.729) | (6.657.380.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | 9.171.302.621 | 1.165.352.250 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40) | 50 | | (12.003.192) | (785.980.318) |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 60 | | 1.589.968.730 | 2.375.949.048 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | - | - |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61) | 70 | | 1.577.965.538 | 1.589.968.730 |

KẾ TOÁN TRƯỞNG



PHẠM VĂN CƠ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2013



GIÁM ĐỐC

LÂM DUY KHÁNH

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI KIÊN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Gạch Ngói Kiên Giang (dưới đây gọi tắt là Công ty) là doanh nghiệp được cổ phần hoá từ XI nghiệp gạch Tuynel Kiên Giang thuộc Công ty Đầu tư và Xây dựng Kiên Giang (nay là Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu tư Phát Triển Nhà Kiên Giang). Công ty được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 56-03-000133 ngày 01 tháng 04 năm 2008 do Sở kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Kiên Giang cấp; và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi với lần thay đổi gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1700572808 ngày 30 tháng 03 năm 2012.

Trụ sở và nhà máy của Công ty được đặt tại Thị trấn Kiên Lương, Huyện Kiên Lương, Tỉnh Kiên Giang.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 30.016.990.000 đồng.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất gạch tuynel.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là: Khai thác cát, sỏi, đất sét, đất bùn; Sản xuất sản phẩm chịu lửa; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác; Bán buôn than đá, than bùn và nhiên liệu rắn khác; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi, đất bùn; Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi và vật liệu xây dựng khác trong cửa hàng chuyên doanh; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Cho thuê xe ô tô và xe có động cơ khác; Khai thác và thu gom than bùn.

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gởi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI KIẾN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

4.3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm tài chính

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

4.4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

4.5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI KIÊN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

| | |
|----------------------------------|-------------|
| + Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 – 25 năm |
| + Máy móc thiết bị | 03 – 25 năm |
| + Phương tiện vận tải truyền dẫn | 06 – 09 năm |
| + Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 – 08 năm |
| + Tài sản cố định vô hình | 06 – 30 năm |

4.6. Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt.

4.7. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.
- Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Công ty và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

4.8. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

4.9. Phân chia lợi nhuận sau thuế

Lợi nhuận thuần sau thuế được phân chia cho các cổ đông sau khi trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty, các quy định pháp lý của nhà nước và sau khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội cổ đông thường niên.

4.10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.
- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

4.11. Thuế

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.
- Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.



CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI KIÊN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4.12. Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.13. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

4.14. Số liệu so sánh

Một vài số liệu so sánh đã được trình bày lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính của năm tài chính này, cụ thể như sau:

Mục 6.6 của thuyết minh báo cáo tài chính

| | Năm trước (Được trình bày lại) | Năm trước (Đã được trình bày trước đây) |
|--|-----------------------------------|--|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 9.234.400.231 | 20.261.964.179 |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu đầu năm được trình bày lại để loại bỏ phần chi phí nguyên vật liệu luân chuyển nội bộ. | | |

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | Cuối năm | Đầu năm |
|----------------------------|----------------------|----------------------|
| Tiền mặt | 122.007.634 | 42.661.205 |
| Tiền gửi ngân hàng | 1.455.957.904 | 1.287.307.525 |
| Các khoản tương đương tiền | - | 260.000.000 |
| Tổng cộng | 1.577.965.538 | 1.589.968.730 |

5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn

| | Cuối năm | Đầu năm |
|---|-----------------------|----------------------|
| Phải thu khách hàng | 5.030.370.967 | 3.846.792.430 |
| Trả trước cho người bán | 4.408.682.224 | 880.441.069 |
| Các khoản phải thu khác | 1.584.806.832 | 145.181.612 |
| Cộng các khoản phải thu ngắn hạn | 11.023.860.023 | 4.872.415.111 |
| Dự phòng phải thu khó đòi | (178.019.040) | (178.019.040) |
| Giá trị thuần của các khoản phải thu | 10.845.840.983 | 4.694.396.071 |

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI KIÊN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty. Trong khoản phải thu khách hàng và phải thu khác có khoản phải thu các bên có liên quan là 3.896.205.550 VNĐ – Xem thêm mục 8.

Toàn bộ giá trị các khoản phải thu được thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn ngân hàng – Xem thêm mục 5.8.

5.3. Hàng tồn kho

| | Cuối năm | Đầu năm |
|---------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Nguyên liệu, vật liệu | 3.745.137.543 | 4.614.574.572 |
| Công cụ, dụng cụ | 21.192.817 | 20.905.926 |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 645.341.036 | 544.676.432 |
| Thành phẩm | 245.046.315 | 171.430.458 |
| Cộng giá gốc hàng tồn kho | 4.656.717.711 | 5.351.587.388 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | - | - |
| Giá trị thuần có thể thực hiện | 4.656.717.711 | 5.351.587.388 |

Toàn bộ giá trị nguyên vật liệu và thành phẩm tồn kho được thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn ngân hàng – Xem thêm mục 5.8.

5.4. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

| Khoản mục | ĐVT: ngàn đồng | | | | |
|-------------------------------|-------------------|-------------------|--------------------------------|---------------------------|-------------------|
| | Nhà cửa | Máy móc thiết bị | Phương tiện vận tải truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Tổng cộng |
| Nguyên giá | | | | | |
| Số dư đầu năm | 17.210.068 | 7.091.940 | 3.815.936 | 203.010 | 28.320.954 |
| Mua trong năm | 40.841 | 566.583 | 929.620 | 96.829 | 1.633.873 |
| Đầu tư XDCB hoàn thành | 10.413.322 | 6.523.644 | - | - | 16.936.966 |
| Số dư cuối năm | 27.664.231 | 14.182.167 | 4.745.556 | 299.839 | 46.891.793 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | | |
| Số dư đầu năm | 4.833.774 | 2.996.594 | 1.747.391 | 92.611 | 9.670.370 |
| Khấu hao trong năm | 907.460 | 607.193 | 500.114 | 40.605 | 2.055.372 |
| Số dư cuối năm | 5.741.234 | 3.603.787 | 2.247.505 | 133.216 | 11.725.742 |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Tại ngày đầu năm | 12.376.293 | 4.095.346 | 2.068.546 | 110.400 | 18.650.585 |
| Tại ngày cuối năm | 21.922.997 | 10.578.380 | 2.498.051 | 166.623 | 35.166.051 |

Toàn bộ tài sản cố định hữu hình được dùng để thế chấp cho các khoản vay ngân hàng – Xem thêm mục 5.8 và 5.12.

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 698.080.736 đồng.

0.317
 C
 TRAC
 KII
]
 QUAN

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI KIÊN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.5. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

| Khoản mục | Quyền sử dụng đất | Khác | Tổng cộng |
|-------------------------------|----------------------|--------------------|----------------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số dư đầu năm | 6.213.375.782 | 68.181.818 | 6.281.557.600 |
| Mua trong năm | - | 154.000.000 | 154.000.000 |
| Số dư cuối năm | 6.213.375.782 | 222.181.818 | 6.435.557.600 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | |
| Số dư đầu năm | 1.117.054.782 | 6.628.790 | 1.123.683.572 |
| Khấu hao trong năm | 213.129.420 | 20.988.642 | 234.118.062 |
| Số dư cuối năm | 1.330.184.202 | 27.617.432 | 1.357.801.634 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Tại ngày đầu năm | 5.096.321.000 | 61.553.028 | 5.157.874.028 |
| Tại ngày cuối năm | 4.883.191.580 | 194.564.386 | 5.077.755.966 |

Trong quyền sử dụng đất chủ yếu là lợi thế khai thác mỏ sét và các chi phí đền bù, giải tỏa đất. Toàn bộ quyền sử dụng đất được dùng để thế chấp các khoản vay tại ngân hàng – Xem thêm mục 5.8 và 5.13.

5.6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | Cuối năm | Đầu năm |
|----------------------------|----------------------|-----------------------|
| Mở rộng văn phòng công ty | - | 59.062.278 |
| Xây dựng dây chuyền 2 | 2.776.113.241 | 15.418.724.016 |
| Nâng cấp đường vào công ty | 300.000.000 | 300.000.000 |
| Xây dựng cơ bản khác | 268.323.146 | 357.044.098 |
| Tổng cộng | 3.344.436.387 | 16.134.830.392 |

5.7. Chi phí trả trước dài hạn

| | Cuối năm | Đầu năm |
|--------------------------------|----------------------|----------------------|
| Công cụ, dụng cụ xuất dùng | 1.144.613.332 | 1.261.689.919 |
| Sửa chữa nhà xưởng | 1.303.315.630 | 159.457.542 |
| Chi phí trả trước dài hạn khác | 556.539.992 | 686.165.696 |
| Tổng cộng | 3.004.468.954 | 2.107.313.157 |

5.8. Vay ngắn hạn

| | Cuối năm | Đầu năm |
|---|-----------------------|----------------------|
| Vay ngân hàng | 8.290.803.001 | 6.624.115.648 |
| Vay dài hạn đến hạn trả - Xem thêm mục 5.12 | 2.400.000.000 | - |
| Tổng cộng | 10.690.803.001 | 6.624.115.648 |

Vay ngân hàng là khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng bằng tiền VNĐ với lãi suất cho vay theo từng giấy nhận nợ trong khoảng từ 12%/năm đến 18%/năm. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ cho phương án sản xuất gạch các loại. Khoản vay này được thế chấp bằng toàn bộ tài sản cố định, hàng hóa, nguyên liệu tồn kho, nợ phải thu, quyền sử dụng đất – Xem thêm mục 5.2, 5.3, 5.4 và 5.5.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI KIÊN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.9. Phải trả người bán

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty, trong đó, khoản phải trả cho bên liên quan là 974.888.088 VNĐ – Xem thêm mục 8.

5.10. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

| | Cuối năm | Đầu năm |
|----------------------------|--------------------|------------------|
| Thuế giá trị gia tăng | 210.599.651 | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 64.998.618 | - |
| Thuế thu nhập cá nhân | 12.501.203 | 1.675.963 |
| Tổng cộng | 288.099.472 | 1.675.963 |

5.11. Phải trả người lao động

Là quỹ lương năm 2012 còn lại chưa chi.

5.12. Vay dài hạn

| | Cuối năm | Đầu năm |
|--------------------|-----------------------|----------------------|
| Vay ngân hàng | 9.252.989.997 | - |
| Vay đối tượng khác | 2.275.000.000 | 3.500.000.000 |
| Tổng cộng | 11.527.989.997 | 3.500.000.000 |

Vay dài hạn ngân hàng là các khoản vay có thời hạn từ 52 tháng đến 72 tháng với lãi suất 14,60%/năm đến thời điểm 31/12/2012. Kể từ năm 2013 trở đi, lãi suất sẽ được điều chỉnh theo thông báo của ngân hàng; mục đích vay là để đầu tư dự án mở rộng nhà máy gạch Tuynel, các khoản vay được bảo đảm bằng một số tài sản thuộc sở hữu của Công ty, quyền sử dụng đất thuê và tài sản hình thành từ vốn vay. Khoản vay dài hạn đến hạn trả trong năm 2013 là 1.700.000.000 đồng – Xem thêm mục 5.4, 5.5 và 5.8.

Vay đối tượng khác là khoản vay từ Quỹ đầu tư phát triển Kiên Giang với thời hạn 60 tháng; lãi suất trong 03 tháng đầu là 17%/năm, 05 tháng kế tiếp là 17,28%, các tháng sau còn lại chịu lãi suất 13,2%/năm; mục đích vay là để đầu tư dự án mở rộng nhà máy gạch Tuynel; khoản vay này không có tài sản đảm bảo. Khoản vay dài hạn đến hạn trả trong năm 2013 là 700.000.000 đồng.

(Phần tiếp theo ở trang 18)

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI KIÊN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.13. Vốn chủ sở hữu

5.13.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Quỹ dự phòng tài chính | Lợi nhuận chưa phân phối | Quỹ từ thiện xã hội | Cộng |
|--------------------------------|---------------------------------|------------------------------|--------------------------------|------------------------|-----------------------|
| Số dư đầu năm trước | 23.359.610.000 | 805.496.415 | 5.180.049.321 | 16.377.480 | 29.361.533.216 |
| Lợi nhuận trong năm trước | - | - | 6.130.737.699 | - | 6.130.737.699 |
| Trích lập quỹ | - | 275.883.196 | (897.649.589) | 70.000.000 | (551.766.393) |
| Chia cổ tức | - | - | (6.657.380.000) | - | (6.657.380.000) |
| Sử dụng quỹ | - | - | - | (86.347.500) | (86.347.500) |
| Giảm khác | - | - | - | - | - |
| Số dư đầu năm nay | 23.359.610.000 | 1.081.379.611 | 3.755.757.431 | 29.980 | 28.196.777.022 |
| Tăng vốn năm nay | 6.657.380.000 | - | - | - | 6.657.380.000 |
| Lợi nhuận trong năm | - | - | 4.580.141.954 | - | 4.580.141.954 |
| Trích lập quỹ | - | 217.297.708 | (731.893.124) | 80.000.000 | (434.595.416) |
| Chia cổ tức | - | - | (2.701.529.100) | - | (2.701.529.100) |
| Sử dụng quỹ | - | - | - | (77.254.600) | (77.254.600) |
| Tăng khác | - | - | - | 5.250.000 | 5.250.000 |
| Số dư cuối năm nay | 30.016.990.000 | 1.298.677.319 | 4.902.477.161 | 8.025.380 | 36.226.169.860 |

5.13.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

| | Cuối năm | Đầu năm |
|---|-----------------------|-----------------------|
| ▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu tư Phát Triển Nhà Kiên Giang | 12.393.320.000 | 9.644.610.000 |
| ▪ Vốn góp của các đối tượng khác | 17.623.670.000 | 13.715.000.000 |
| Tổng cộng | 30.016.990.000 | 23.359.610.000 |

5.13.3. Cổ phần

| | Năm nay | Năm trước |
|---|-----------|-----------|
| Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành | 3.001.699 | 2.335.961 |
| Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra | 3.001.699 | 2.335.961 |
| Số lượng cổ phần phổ thông được mua lại | - | - |
| Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành | 3.001.699 | 2.335.961 |
| Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VNĐ/ cổ phần | | |

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI KIÊN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.13.4. Lãi cơ bản trên cổ phần

| | Năm nay | Năm trước |
|--|---------------|---------------|
| Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty | 4.580.141.954 | 6.130.737.699 |
| Số cổ phần lưu hành bình quân trong kỳ | 2.923.270 | 2.335.961 |
| Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS) | 1.567 | 2.625 |

5.13.5. Phân phối lợi nhuận

| | Năm nay | Năm trước |
|--|----------------------|----------------------|
| Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm | 3.755.757.431 | 5.180.049.321 |
| Lợi nhuận sau thuế trong năm | 4.580.141.954 | 6.130.737.699 |
| Trích lập Quỹ dự phòng tài chính | (217.297.708) | (275.883.196) |
| Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi | (434.595.416) | (551.766.393) |
| Trích lập quỹ từ thiện xã hội | (80.000.000) | (70.000.000) |
| Chia cổ tức | (2.701.529.100) | (6.657.380.000) |
| Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm | 4.902.477.161 | 3.755.757.431 |

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

| | Năm nay | Năm trước |
|-----------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Doanh thu bán sản phẩm gạch | 32.420.911.315 | 29.044.032.984 |
| Doanh thu vận chuyển gạch | 2.691.546.702 | 2.025.766.465 |
| Doanh thu thuần | 35.112.458.017 | 31.069.799.449 |

6.2. Giá vốn hàng bán

| | Năm nay | Năm trước |
|-------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Giá vốn của sản phẩm gạch | 20.289.024.549 | 16.759.729.912 |
| Giá vốn của dịch vụ vận chuyển gạch | 3.066.815.637 | 2.398.983.460 |
| Tổng cộng | 23.355.840.186 | 19.158.713.372 |

6.3. Chi phí bán hàng

| | Năm nay | Năm trước |
|----------------------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí nhân viên | 487.072.565 | 403.941.750 |
| Chi phí vật tư, công cụ, dụng cụ | 486.130.457 | 285.205.001 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 100.044.004 | 105.931.913 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 1.322.603.554 | 1.395.616.969 |
| Chi phí bằng tiền khác | 402.795.658 | 365.843.573 |
| Tổng cộng | 2.798.646.238 | 2.556.539.206 |

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI KIÊN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6.4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Năm nay | Năm trước |
|----------------------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí nhân viên | 1.048.123.289 | 771.809.339 |
| Chi phí vật tư, công cụ, dụng cụ | 179.815.982 | 85.073.859 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 292.236.447 | 262.959.282 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 175.649.342 | 308.215.717 |
| Chi phí bằng tiền khác | 1.104.106.279 | 948.015.969 |
| Tổng cộng | 2.799.931.339 | 2.376.074.166 |

6.5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

| | Năm nay | Năm trước |
|--|--------------------|---------------|
| Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm | 4.828.837.966 | 6.130.737.699 |
| Cộng các khoản điều chỉnh tăng | 497.350.404 | - |
| Trừ thu nhập khác | (372.366.495) | - |
| Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính | 4.953.821.875 | 6.130.737.699 |
| Thuế suất thuế TNDN hiện hành (50%*10%) | 5 % | Miễn thuế |
| Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính | 247.691.094 | - |
| Cộng khoản thuế từ thu nhập khác | 93.091.624 | - |
| Thuế TNDN được giảm theo Thông tư 140/2012/TT-BTC | (102.234.815) | - |
| Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của các năm trước | 10.148.110 | - |
| Chi phí thuế TNDN phải nộp trong năm | 248.696.012 | - |

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế ước tính. Tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế có thể có những điều chỉnh khi quyết toán thuế.

6.6. Chi phí sản xuất theo yếu tố

| | Năm nay | Năm trước |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 11.068.962.976 | 9.234.400.231 |
| Chi phí nhân công | 4.789.963.185 | 3.718.249.441 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 1.712.822.372 | 1.320.859.913 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 2.469.863.565 | 2.198.299.051 |
| Chi phí khác bằng tiền | 434.196.184 | 492.402.755 |
| Tổng cộng | 20.475.808.282 | 16.964.211.391 |

7. Báo cáo bộ phận

Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh vì Công ty chỉ sản xuất một loại sản phẩm là gạch Tuynel. Báo cáo kết quả kinh doanh đã thể hiện rõ doanh thu, chi phí và lợi nhuận của hoạt động này.

Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Công ty hoàn toàn diễn ra ở tỉnh Kiên Giang, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI KIÊN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

8. Thông tin về các bên có liên quan

- Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các đơn vị sau đây được xem là các bên có liên quan với Công ty:

| <u>Tên công ty</u> | <u>Mối quan hệ</u> |
|---|--|
| 1. Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu Tư Phát Triển Nhà Kiên Giang | Công ty liên kết Công ty cùng tập đoàn của Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu Tư Phát Triển Nhà Kiên Giang |
| 2. Công Ty TNHH Một Thành Viên Phát Triển Nhà Kiên Giang | Công ty cùng tập đoàn của Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu Tư Phát Triển Nhà Kiên Giang |

- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

| | <u>Cuối năm</u> | <u>Đầu năm</u> |
|-----------------------------|----------------------|------------------------|
| Phải thu - Xem thêm mục 5.2 | 3.896.205.550 | 1.867.735.010 |
| Phải trả - Xem thêm mục 5.9 | (974.888.088) | (579.306.830) |
| Tổng cộng | 2.921.317.462 | (1.288.428.180) |

- Bản chất các giao dịch nội bộ quan trọng và giá trị giao dịch trong năm như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-----------------------|----------------|------------------|
| Bán hàng | 7.196.880.855 | 7.004.636.715 |
| Nhận cung cấp dịch vụ | 1.687.675.936 | 9.754.070.542 |

- Thù lao Hội đồng quản trị và Thu nhập của Ban Giám đốc

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---------------------------|--------------------|--------------------|
| Thù lao Hội đồng quản trị | 192.000.000 | 192.000.000 |
| Lương Giám đốc | 278.950.100 | 200.762.100 |
| Lương các Phó giám đốc | 330.404.400 | 154.102.000 |
| Tổng cộng | 801.354.500 | 546.864.100 |

9. Công cụ tài chính

- Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

- Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.12.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI KIÊN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Các loại công cụ tài chính

| | Giá trị ghi sổ | |
|--|-----------------------|-----------------------|
| | 31/12/2012 | 01/01/2012 |
| Tài sản tài chính | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 1.577.965.538 | 1.589.968.730 |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 6.240.900.311 | 3.846.792.430 |
| Tổng cộng | 7.818.865.849 | 5.436.761.160 |
| Công nợ tài chính | | |
| Các khoản vay | 22.218.792.998 | 10.124.115.648 |
| Phải trả nhà cung cấp và phải trả khác | 3.544.476.467 | 8.057.258.867 |
| Chi phí phải trả | 33.816.000 | 22.603.546 |
| Tổng cộng | 25.797.085.465 | 18.203.978.061 |

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

- Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro lãi suất, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền). Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

- Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro trọng yếu về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi vay vốn với lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Công ty quản lý bằng cách duy trì một tỷ lệ hợp lý giữa các khoản vay với lãi suất cố định và các khoản vay với lãi suất thả nổi.

- Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

- Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Công ty tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI KIÊN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Công ty duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn còn lại theo hợp đồng đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

| 31/12/2012 | Dưới 1 năm | Từ 1- 5 năm | Tổng cộng |
|-------------------------------------|----------------|----------------|----------------|
| Các khoản vay | 10.690.803.001 | 11.527.989.997 | 22.218.792.998 |
| Phải trả người bán và phải trả khác | 3.544.476.467 | - | 3.544.476.467 |
| Chi phí phải trả | 33.816.000 | - | 33.816.000 |

| 01/01/2012 | Dưới 1 năm | Từ 1- 5 năm | Tổng cộng |
|-------------------------------------|---------------|---------------|----------------|
| Các khoản vay | 6.624.115.648 | 3.500.000.000 | 10.124.115.648 |
| Phải trả người bán và phải trả khác | 8.057.258.867 | - | 8.057.258.867 |
| Chi phí phải trả | 22.603.546 | - | 22.603.546 |

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

| 31/12/2012 | Dưới 1 năm | Từ 1- 5 năm | Tổng cộng |
|--------------------------------------|---------------|-------------|---------------|
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 6.240.900.311 | - | 6.240.900.311 |

| 01/01/2012 | Dưới 1 năm | Từ 1- 5 năm | Tổng cộng |
|--------------------------------------|---------------|-------------|---------------|
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 3.846.792.430 | - | 3.846.792.430 |

10. Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

11. Các thông tin thuyết minh khác

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 56111000470 do Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Kiên Giang cấp ngày 12 tháng 02 năm 2009, Công ty được hưởng mức thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn 15 năm kể từ năm đầu tiên doanh nghiệp có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế; miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ khi kinh doanh bắt đầu có lãi và giảm 50% trong 9 năm tiếp theo. Vào ngày 29 tháng 01 năm 2013, Tổng Cục thuế ban hành Công văn số 401/TCT-CS gửi cho Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang và Cục thuế tỉnh Kiên Giang xác định đến năm 2008 thực hiện chủ trương cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, Xí nghiệp gạch Tuynel Kiên Giang chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Gạch ngói Kiên Giang không được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo diện cơ sở kinh doanh mới thành lập từ dự án đầu tư. Do vậy, có khả năng phát sinh nghĩa vụ thuế phải nộp đối với Công ty. Tuy nhiên, Công ty chưa ghi nhận khoản này vì còn đang tiến hành các thủ tục để yêu cầu cơ quan chức năng xem xét lại việc ưu đãi thuế theo giấy phép đã được cấp.

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI KIÊN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

12. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 được Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 20 tháng 03 năm 2013.

KẾ TOÁN TRƯỞNG



PHẠM VĂN CƠ



Kiên Lương, ngày 20 tháng 03 năm 2013

GIÁM ĐỐC

LÂM DUY KHÁNH